




ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ DƯƠNG HÒA

QUY TRÌNH

Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Mã hiệu quy trình: H57.37.50-98/TTHC
(H57.37.50: mã định danh điện tử đơn vị)

| Trách nhiệm | Soạn thảo | Kiểm tra | Xem xét | Phê duyệt |
|-------------|---|---|--|---|
| Họ và tên | Phan Thị Như Quỳnh | Lê Xuân Hùng | Lê Thanh Thủy | Lê Văn Thúc |
| Chữ ký |  |  |  |  |
| Chức vụ | Công chức Văn hóa xã hội | Thư ký | QMR | Chủ tịch UBND xã |

| | | |
|---|---|-------------------------------------|
|  | QUY TRÌNH | Mã hiệu: H57.37.50-98/TTHC |
| | Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt | Ban hành lần: 03 Ngày: 22/6/2023 |

| THEO DÕI TÌNH TRẠNG SỬA ĐỔI | | | |
|---|--|--|-------------------------------------|
| Ngày tháng | Trang/Phần liên quan việc sửa đổi | Mô tả nội dung thay đổi | Lần ban hành/sửa đổi |
| 27/02/2023 | Tài liệu viện dẫn; Nội dung quy trình. | Thay đổi căn cứ pháp lý theo Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh | 02 |
| 22/6/2023 | Tài liệu viện dẫn; Nội dung quy trình. | | 03 |
| PHÂN PHỐI TÀI LIỆU | | | |
| 1. Chủ tịch UBND | <input checked="" type="checkbox"/> | 3. Cán bộ, công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã | <input checked="" type="checkbox"/> |
| 2. Phó chủ tịch UBND - QMR | <input checked="" type="checkbox"/> | 4. Trang/ Công thông tin điện tử xã | <input checked="" type="checkbox"/> |
| 5. Cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách xã | <input checked="" type="checkbox"/> | | |

QUY TRÌNH

Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

I. MỤC ĐÍCH

Quy định thành phần hồ sơ, lệ phí (nếu có), trình tự, cách thức và thời gian giải quyết thủ tục hành chính: Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 của UBND xã Dương Hòa, nhằm đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu của cá nhân.

II. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng đối với các cá nhân, tổ chức có nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội với thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của UBND xã, bao gồm 1 thủ tục hành chính:

- Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

III. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Luật trẻ em năm 2016.

- Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em.

IV. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

UBND: Ủy ban nhân dân;

QT: Quy trình;

TTHC: Thủ tục hành chính;

ISO: Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015;

Bộ phận TN&TKQ: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.

V. NỘI DUNG QUY TRÌNH

V.1. Thông tin thủ tục hành chính:

| TT | Nội dung |
|-----------|--|
| 1. | Điều kiện thực hiện TTHC: Trẻ em bị xâm hại, có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi đã được người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã đánh giá nguy cơ và xác định nhu cầu cần hỗ trợ, can thiệp. |
| 2. | Hồ sơ bao gồm: |

| | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
|----|--|-----------|---------|
| | Báo cáo tiếp nhận thông tin trẻ em và đánh giá nguy cơ ban đầu về tình trạng trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (do Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em, cơ quan lao động - thương binh và xã hội các cấp, cơ quan công an các cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã và người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã lập) | X | |
| | Báo cáo đánh giá nguy cơ ban đầu về tình trạng trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi (do người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã lập). | X | |
| | Báo cáo thu thập thông tin, đánh giá nguy cơ cụ thể tình hình trẻ em (do người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã lập). Biên bản cuộc họp xác định nhu cầu cần hỗ trợ, can thiệp cho trẻ em và các tài liệu khác có liên quan (do người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã lập) | X | |
| | Dự thảo Quyết định phê duyệt và kế hoạch hỗ trợ, can thiệp (do người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã lập). | X | |
| | Các tài liệu có liên quan khác (nếu có). | X | |
| 3. | Số lượng hồ sơ: 01 bộ | | |
| 4. | Thời gian xử lý: 07 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ | | |
| 5. | Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận TN&TKQ xã | | |
| 6. | Lệ phí: Không | | |

V.2. Diễn giải quy trình:

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/ Kết quả | Diễn giải |
|----------------|--------------------|-------------|-----------|-------------------|-----------|
| | | | | | |

| | | | | | |
|---|---------------------------------|--------------------------|----------------------|---|--|
| 1 | Nộp hồ sơ | Tổ chức/Công dân | Trong giờ hành chính | Theo mục V.1.2 | <ul style="list-style-type: none"> - Công dân chuẩn bị hồ sơ theo mục V.1.2; - Nộp hồ sơ tại Bộ phận TN&TKQ xã. |
| 2 | Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ | Bộ phận TN&TKQ | 4 giờ | <ul style="list-style-type: none"> - BM-HDHS; - BM-TNHS; - BM-STDHS. | <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính đầy đủ và tính phù hợp của hồ sơ; - Hồ sơ không đầy đủ hướng dẫn nộp hồ sơ đầy đủ theo biểu mẫu BM-HDHS. Với hồ sơ đầy đủ: <ul style="list-style-type: none"> - Viết phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; - Vào sổ theo dõi hồ sơ. - Chuyển hồ sơ cho Công chức Văn hóa xã hội. |
| 3 | Thẩm định hồ sơ | Công chức Văn hóa xã hội | 32 giờ | <ul style="list-style-type: none"> - Theo mục V.1.2; - BM-HDHS; - Quyết định phê duyệt và Kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em dự thảo; | <ul style="list-style-type: none"> Xem xét hồ sơ: Công chức Văn hóa xã hội thực hiện kiểm tra hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển trả bộ phận TN&TKQ trả cho cá nhân bổ sung cho đầy đủ theo biểu mẫu BM-HDHS. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì thực hiện bước tiếp theo. - Kiểm tra tính xác thực về hành vi xâm hại, tình trạng mất an toàn, mức độ nguy cơ gây tổn hại đối với trẻ em. . - Đánh giá nguy cơ ban đầu, mức độ tổn hại của trẻ em (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 56/2017/NĐ-CP). - Công chức Văn hóa xã hội thực hiện việc |

| | | | | | |
|---|-------------------------------------|------------------|--------|---|--|
| | | | | | <p>thu thập thông tin, đánh giá nguy cơ cụ thể (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 56/2017/NĐ-CP).</p> <p>- Trường hợp trẻ em cần được áp dụng kế hoạch hỗ trợ, can thiệp, Chủ tịch UBND xã chủ trì họp với các cá nhân, tổ chức có trách nhiệm bảo vệ trẻ em, đại diện địa bàn dân cư nơi trẻ em cư trú, sinh sống hoặc nơi xảy ra vụ việc, cha, mẹ hoặc người chăm sóc trẻ em để xác định các biện pháp bảo vệ trẻ em.</p> <p>- Căn cứ mức độ tổn hại và nhu cầu cần hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Công chức Văn hóa xã hội xây dựng kế hoạch hỗ trợ, can thiệp trình Chủ tịch UBND xã phê duyệt (theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 56/2017/NĐ-CP).</p> |
| 4 | Phê duyệt | Lãnh đạo UBND xã | 16 giờ | - Quyết định phê duyệt và Kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em được duyệt. | Lãnh đạo UBND xã phụ trách kiểm tra, xem xét: - Trường hợp đồng ý: Lãnh đạo xã ký vào Giấy xác nhận. - Nếu không đồng ý: Chuyển lại Công chức Văn hóa xã hội xử lý. |
| 5 | Đóng dấu, vào sổ theo dõi và | Văn thư | 4 giờ | - Quyết định được duyệt. | - Cán bộ văn thư vào sổ, đóng dấu; |

| | | | | | |
|---|---|----------------|----------------------|------------|--|
| | chuyển hồ sơ | | | | - Công chức Văn hóa vào sổ theo. |
| 6 | Trả kết quả cho tổ chức/công dân | Bộ phận TN&TKQ | Trong giờ hành chính | - BM-STDHS | Sau khi nhận kết quả, người nhận ký vào sổ theo dõi hồ sơ. |

VI. BIỂU MẪU

| TT | Mã hiệu | Tên Biểu mẫu |
|----|-------------------------|--|
| 1 | H57.31.55-HDHS | Phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ |
| 2 | H57.31.55-PTNHS | Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả |
| 3 | H57.31.55-STDHS | Sổ theo dõi hồ sơ |
| 4 | H57.31.55-36/TTHC/BM 01 | Báo cáo tiếp nhận thông tin trẻ em |
| 5 | H57.31.55-36/TTHC/BM 02 | Báo cáo thu thập thông tin, đánh giá nguy cơ cụ thể tình hình trẻ em |
| 6 | H57.31.55-36/TTHC/BM 03 | Kế hoạch hỗ trợ, can thiệp cho trẻ em |
| 7 | H57.31.55-36/TTHC/BM 04 | Quyết định phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp |

VII. LƯU TRỮ

| TT | Tên hồ sơ/ phụ lục (PL) | Mã số | Thời gian lưu trữ | Bộ phận lưu trữ |
|----|-------------------------|----------|-------------------|--------------------------|
| 1 | Sổ theo dõi hồ sơ | BM-STDHS | 20 năm | Bộ phận TN&TKQ |
| 2 | Hồ sơ theo mục V.1.2 | | 20 năm | Công chức Văn hóa xã hội |

Hồ sơ được lưu tại Công chức VHXXH xã, thời gian lưu theo quy định. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ sang bộ phận lưu trữ của cơ quan.

1. H57.37.50-98/TTHC/BM 01

Mẫu số 01: Ban hành kèm theo Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ

**TÊN CƠ QUAN
TIẾP NHẬN THÔNG TIN**

...(1)...

Số:...../BC-(2)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

...(3)...., ngày ... tháng ... năm 20...

BÁO CÁO

TIẾP NHẬN THÔNG TIN TRẺ EM.....(4)....

A. Thông tin chung

1. Nguồn nhận thông tin

Thông qua (điện thoại/gặp trực tiếp/người khác báo):.....

Thời gian (mấy giờ)..... ngày tháng..... năm

2. Thông tin về trẻ em

Họ và tên trẻ em (5).....

Ngày tháng năm sinh (5)..... hoặc ước lượng tuổi.....

Giới tính (5): Nam..... Nữ..... Không biết.....

Địa điểm xảy ra vụ việc.....

.....

Tình trạng hiện tại của trẻ em: (6).....

Phỏng đoán hậu quả có thể sẽ xảy ra cho trẻ em nếu không có được hỗ trợ, can thiệp?.

Họ và tên cha: (5)..... Tuổi..... Nghề nghiệp.....

Họ và tên mẹ: (5)..... Tuổi..... Nghề nghiệp.....

Hoàn cảnh gia đình: (5).....

Hiện tại ai là người chăm sóc trẻ em (nếu biết).....

Những hành động hỗ trợ, can thiệp đã được thực hiện đối với trẻ em trước khi nhận được thông tin:

.....

.....

3. Thông tin về người cung cấp thông tin (nếu đồng ý cung cấp)

Họ và tên..... Số điện thoại.....

Địa chỉ.....

Ghi chú thêm.....

Cán bộ tiếp nhận thông tin
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan tiếp nhận thông tin.
- (2) Chữ viết tắt tên cơ quan tiếp nhận thông tin.
- (3) Địa danh.
- (4) Trẻ em thuộc đối tượng: bị xâm hại/có nguy cơ bị bạo lực/bóc lột/bỏ rơi hoặc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.
- (5) Cán bộ ghi thông tin nếu biết hoặc được cung cấp.
- (6) Thông tin về thể chất, tinh thần của trẻ em.

2. H57.37.50-98/TTHC/BM 02

Mẫu số 03: Ban hành kèm theo Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ

BÁO CÁO THU THẬP THÔNG TIN, XÁC MINH VÀ ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ CỤ THỂ

Họ và tên trẻ em:

Họ và tên người đánh giá:

Ngày, tháng, năm thực hiện bản đánh giá

1. Thu thập thông tin

| Câu hỏi | Trả lời |
|---|--------------------------------------|
| Tình trạng thể chất, tâm lý, tình cảm của trẻ em (trẻ em đã bị xâm hại hay chưa)? | Mô tả |
| Hoàn cảnh gia đình, mối quan hệ của trẻ em và năng lực bảo vệ trẻ em của cha, mẹ, các thành viên trong gia đình (đặc biệt là những người trực tiếp chăm sóc trẻ em, chất lượng chăm sóc như thế nào)? | |
| Các yếu tố tác động đến chất lượng của sự chăm sóc trẻ em? | Yếu tố tích cực: Yếu tố tiêu cực: |
| Trong thời gian tới ai sẽ là người chăm sóc trẻ em? | |
| Các yếu tố có thể sẽ tác động đến việc chăm sóc trẻ em trong thời gian tới? | Yếu tố tích cực: Yếu tố tiêu cực: |

2. Đánh giá nguy cơ cụ thể:

a) Đánh giá mức độ tổn hại

| Đánh giá mức độ tổn hại | Mức độ (Cao, Trung bình, Thấp) |
|---|--|
| 1. Đánh giá mức độ trẻ em bị tổn hại | Cao (trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng); Trung bình (trẻ em bị tổn hại nhưng không nghiêm trọng); Thấp (trẻ em bị tổn hại ít hoặc không bị tổn hại). |
| 2. Khả năng tiếp cận trẻ em của đối tượng xâm hại (trong tương lai) | Cao (đối tượng xâm hại có khả năng tiếp cận trẻ em dễ dàng và thường xuyên); Trung bình (đối tượng xâm hại có cơ hội tiếp cận trẻ em, nhưng không thường xuyên); Thấp (đối tượng xâm hại ít hoặc không có khả năng tiếp cận trẻ em). |
| 3. Tác động của hành vi xâm hại đến sự phát triển của trẻ em (thể | Cao (có tác động nghiêm trọng đến trẻ em); |

| | |
|---|--|
| chất, tâm lý, tình cảm) | Trung bình (có một vài tác động đến sự phát triển của trẻ em); Thấp (có ít hoặc không có tác động đến sự phát triển của trẻ em). |
| 4. Những trở ngại trong môi trường chăm sóc trẻ em đối với việc bảo đảm an toàn cho trẻ em | Cao (có nhiều trở ngại để đảm bảo an toàn cho trẻ em); Trung bình (có một vài trở ngại, nhưng trẻ em vẫn có được sự bảo vệ nhất định); Thấp (có ít hoặc không có trở ngại nào cho việc bảo vệ trẻ em). |
| 5. Không có người sẵn sàng hoặc có khả năng bảo vệ trẻ em | Cao (Không có người nào có thể bảo vệ trẻ em hoặc có người bảo vệ nhưng không được tốt); Trung bình (có một số người có thể bảo vệ trẻ em, nhưng khả năng và độ tin cậy chưa cao); Thấp (có một số người có thể bảo vệ trẻ em). |
| Tổng số (số lượng Cao, Trung bình, Thấp) | Cao: Trung bình: Thấp: |

b) Đánh giá khả năng tự bảo vệ, phục hồi của trẻ em

| Đánh giá khả năng tự bảo vệ, phục hồi của trẻ em | Mức độ (Cao, Trung bình, Thấp) |
|---|--|
| 1. Khả năng tự bảo vệ của trẻ em trước những hành động của đối tượng xâm hại | Cao (trẻ em có khả năng tự bảo vệ mình); Trung bình (trẻ em có một số khả năng, nhưng không cao); Thấp (trẻ em không tự bảo vệ được). |
| 2. Khả năng biết được những người có khả năng bảo vệ mình | Cao (trẻ em biết được người lớn nào có thể bảo vệ mình); Trung bình (trẻ em biết ít về người lớn nào có thể bảo vệ mình); Thấp (trẻ em không biết người lớn nào có thể bảo vệ mình). |
| 3. Khả năng của trẻ em trong việc thiết lập mối quan hệ với những người có thể bảo vệ mình | Cao (trẻ em sẵn sàng và có khả năng nói chuyện với người lớn có thể bảo vệ mình); Trung bình (trẻ em có một số khả năng liên hệ với người lớn nào có thể bảo vệ mình); Thấp (trẻ em không có khả năng liên hệ với người lớn). |
| 4. Khả năng của trẻ em trong việc nhờ người bảo vệ trẻ em | Cao (trẻ em có khả năng liên hệ với người lớn và cho người lớn biết về tình trạng không an toàn của mình); Trung bình (trẻ em có một số khả năng liên hệ với người lớn và cho người lớn biết về tình trạng không an toàn của mình); Thấp (trẻ em không có khả năng liên hệ với người lớn và cho |